**“QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT” ĐỈNH CAO CỦA THÀNH TỰU LUẬT PHÁP VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN**

**Nguyễn Thị Kim Tiến**

**1.2.*2. “Quốc triều hình luật” là bộ luật bảo vệ chế độ phong kiến***

Pháp luật là một bộ phận thuộc kiến trúc thường tầng của xã hội. Các bộ luật của nhà nước phong kiến ra đời trên cơ sở kinh tế và kết cấu giai tầng của xã hội này. Vì thế, “là công cụ trong tay giai cấp phong kiến thống trị, pháp luật là ý chí của giai cấp địa chủ phong kiến được nâng lên thành luật pháp mà nội dung của ý chí đó được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp phong kiến. Pháp luật phong kiến là phương tiện để bảo vệ trật tự xã hội phong kiến mà trước hết là quan hệ sản xuất phong kiến”3. “Quốc triều hình luật” là một bộ luật phong kiến nên nó cũng mang bản chất của pháp luật phong kiến. Điều hiển nhiên nó là một bộ luật bảo vệ chế độ phong kiến. Nói tới luật pháp phong kiến trước hết phải nói tới vai trò tuyệt đối của Hoàng đế. Điều này được thể hiện rất rõ trong “Quốc triều hình luật”. Những điều luật được soạn thảo ra trong “Quốc triều hình luật” thực chất là xuất phát từ ý nguyện của vua Lê Thánh Tông, và cho dù nó gắn bó với thực tiễn cuộc sống nhưng về cơ bản nó mang những tư tưởng, tình cảm và quan niệm của Lê Thánh Tông, mang theo lòng nhân ái của vị vua lỗi lạc đó. Điều đó đã được khẳng định từ lâu nay. Nguyên tắc cơ bản nhất và cũng là mục tiêu quan trọng nhất của “Quốc triều hình luật” là bảo vệ, củng cố chế độ quân chủ phong kiến, lợi ích của nhà nước, nhà vua và hoàng tộc. Những hành vi xâm phạm đến lợi ích, sự an toàn và bình yên của Vua, Hoàng tộc và chính quyền đương thời sẽ bị liệt vào tội “thập ác” với những hình phạt nghiêm khắc nhất (điều 1, 2). “Quốc triều hình luật trở thành công cụ hữu hiệu để trừng trị triệt để những người xâm phạm đến chế độ phong kiến, đến vương quyền, đặc biệt là sự an toàn và lợi ích của triều đại, của bản thân nhà vua và các quan chức cao cấp và họ hàng thân thuộc của họ”4. Các quy định về tội phạm và hình phạt về lĩnh vực này được quy định rất kĩ và cụ thể, tập trung trong các chương: Danh lệ, Vệ cấm, Vi chế, Đạo tặc, Trá nguỵ và Tạp luật. “Quốc triều hình luật” bảo vệ sự phân chia giai cấp trong xã hội, khẳng định sự ưu ái của xã hội đối với giai cấp quý tộc địa chủ phong kiến. Bộ luật quy định có 8 “hạng người” có đặc quyền đặc lợi của triều đại nhà Lê. Những người được kể ra đầu tiên là những người thuộc gia đình hoàng tộc, những người cận kề, giúp việc cho nhà vua, quan chức trong triều (điều 3). Theo điều luật này, nếu những người kể trên phạm tội mà bị xử tử hình thì cơ quan nghị án phải đệ trình nhà Vua xem xét và quyết định. Nếu họ phạm vào những tội bị xử phạt nhẹ hơn thì đều được giảm tội theo quy định. Quy định này thể hiện sự tập trung quyền lực cao nhất vào tay nhà Vua, không chỉ quyền lập pháp mà cả tư pháp cao nhất cũng như sự tập trung đặc quyền đặc lợi vào hoàng tộc, quan lại và những người cận kề với nhà Vua. “Quốc triều hình luật” bảo vệ chế độ gia tộc phụ quyền và các nguyên tắc đạo đức phong kiến, củng cố trật tự xã hội, củng cố cơ sở xã hội cho chế độ phong kiến tồn tại và phát triển. Trên cơ sở đề cao hệ tư tưởng Nho giáo, Bộ luật này đã mặc nhiên thừa nhận những quyền và nghĩa vụ vợ chồng do Nho giáo và tục lệ đặt ra nhằm mục đích bảo vệ tuyệt đối chế độ gia tộc phụ quyền: thiên về quyền lợi pháp lý của người chồng, bảo vệ quyền lợi của người chồng với tư cách là gia trưởng. Vì thế, “Quốc triều hình luật” có nhiều quy định khắt khe về nghĩa vụ của người vợ như: phải tuyệt đối chung thuỷ với chồng, không được ghen tuông, tuyệt đối tuân thủ và phục tùng chồng, phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các thành viên trong gia đình chồng như đối với chính chồng, thậm chí, người vợ phải gánh chịu những hậu quả xấu do hành vi phạm tội mà người chồng gây ra… Nếu người vợ không làm được những việc đó thì sẽ bị pháp luật trừng trị bằng nhỉều hình phạt khắt khe như bị li dị, xử tội lưu đày, bị làm táng thất phụ, giảo hình nặng nề, … (điều 144 – 146 (thất xuất), 321, 331, 401, 476, 481,…). Rõ ràng, gia đình phụ quyền gia trưởng – hạt nhân, nền tảng của xã hội phong kiến, được nhà nước bảo vệ với nhiều đặc quyền của người đàn ông. Nhà nghiên cứu Insun Yu đã đánh giá: “Chính trong bộ luật nhà Lê, quan niệm, Nho giáo về mối quan hệ vợ chồng đã được đề cao đến tột bậc về phương diện pháp lý đối với người Việt Nam …”5. Thực chất đó cũng chính một phương thức để củng cố chế độ phong kiến trung ương tập quyền ngày càng cao hơn của nhà Lê. “Quốc triều hình luật” bảo vệ cơ sở kinh tế của xã hội phong kiến: bảo vệ chế độ tư hữu ruộng đất với quyền lợi của quan lại, quý tộc và địa chủ và bảo vệ chế độ sở hữu tối cao của Nhà nước thông qua việc quản lý ruộng đất và thu tô thuế. Những quy định về ruộng đất nằm trong quyển III, chương Điền sản (59 điều). Pháp luật bảo vệ nghiêm ngặt chế độ ruộng đất công, xử phạt nặng những hành động cần cố, chiếm dụng đất công, ẩn lậu ruộng đất công (điều 342, 343, 345, 346…). Đồng thời, pháp luật cũng bảo vệ quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất (điều 356, 357, 358, 360, 378, …). Ngăn cấm quan lại dựa quyền thế chiếm đoạt ruộng đất tư (điều 370), xử phạt nặng các hành vi vi phạm quyền sở hữư tư nhân như cấm lấn chiếm, xâm phạm, … Quy định cụ thể việc mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, cầm cố đất đai (điều 355, 366, 388, 390, 391,…. ). Ruộng đất công làng xã là cơ sở tồn tại và sức mạnh của chính quyền trung ương, và chế sở hữu tư nhân chính là cơ hội để địa chủ chủ tập trung ruộng đất trong tay mìh, trở thành một giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến. Chính vì thế, củng cố hai hình thức sở hữu ruộng đất này chính là củng cố sự phát triển và ổn định của nhà nước phong kiến thời kỳ đó. “Quốc triều hình luật” là một bộ luật phong kiến tương đối điển hình, với tư cách là một “phương tiện để bảo vệ trật tự xã hội phong kiến”. Một điều rất rõ ràng rằng, “Quốc triều hình luật” ra đời là sự đáp ứng yêu cần phát triển trong giai đoạn xác lập và phát triển mạnh mẽ của chế độ phong kiến Việt Nam, với một triều đại đang cần khẳng định vị thế và ưu thế đang lên của mình. 407/722 điều trong “Quốc triều hình luật” là những điều khoản riêng biệt chỉ có trong bộ luật nhà Lê. Những điều khoản đó xuất phát từ tình hình kinh tế, chính trị, xã hội đương thời và những đòi hỏi cấp thiết của tình hình đó. Thiết lập chế độ chính trị bằng môt cuộc chiến tranh giải phóng nên vai trò của các vị đại công thần khai quốc có ảnh hưởng rất lớn trong triều đình. Và cũng vì vậy, các quan đầu triều Lê luôn luôn phải đề phòng các nguy cơ tiếm quyền, lộng quyền, lạm quyền trực tiếp từ các công thần. Điều đương nhiên là “Quốc triều hình luật” có nhiều điều khoản đặt ra nhằm hạn chế các thế lực ảnh hưởng đối với triều đình (điều 78, 168, 204, 208, 216, 230, 330, 337, 372, …) hạn chế sự lạm quyền (điều 49, 150, 153, 163,213, 675, 720, …), buộc các quan đại thần phải tuyệt đối trung thành và tận tuỵ với nhà vua (điều 234, 236, 624, 625, …); Bên cạnh đó là đề phòng nguy cơ tái xâm lược của nhà Minh, “Quốc triều hình luật” có những quy định nghiêm khắc trừng trị những kẻ thông đồng hoặc tiết lộ công việc triều đình trong nước cho người nước ngoài (điều 71, 612, 613), cấm không được tự tiện qua biên giới, kiểm soat chặt chẽ việc thông thương, … Đồng thời, việc ban hành “Quốc triều hình luật” có ý nghĩa rất lớn trong việc khẳng định vương quyền của triều Hậu Lê trên đất nước ta thời kỳ đó. Một bộ luật hoàn chỉnh và nghiêm khắc có thể khẳng định vai trò cai trị và sức mạnh của vương quyền phong kiến đang nắm giữ Nhà nước, cũng là giúp cho Nhà nước có thể quản lí đất nước một cách thống nhất và chặt chẽ nhất.